

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 211/2025/HC-PT

Ngày 26/3/2025

V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 719/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2024, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 233/2024/HC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2875/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1976; địa chỉ: P, số F, ngõ D, tổ A, khu dân cư A, phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985 theo Giấy ủy quyền số 6170.2025/GUQ quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại Văn phòng C3; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Tạ Thị H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: C - Tòa C - Số D, đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hà Nội; Trụ sở: Số A, đường H, phường C, quận N, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường P, quận N, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H2, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty TNHH V1; địa chỉ: số G đường B, khu đô thị S, phường V, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.3. Bà Cao Ngân H3, sinh năm 1980; Cháu Lê Phương A, sinh năm 2003; Cháu Lê Hà M, sinh năm 2005; Cháu Lê Minh T, sinh năm 2005; Cháu Lê Minh N1, sinh năm 2012; đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: P, số F, ngõ D, tổ A, khu dân cư A, phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

3.4. Hộ ông Nguyễn Thành X (tức C), sinh năm 1961; Bà Ngô Thị L, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1981; Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1983; Ông Nguyễn Thành C1, sinh năm 1984; Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1985; đều vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số B, phường P, quận N, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Người khởi kiện là ông Lê Xuân H trình bày và yêu cầu:

Về nguồn gốc đất: Gia đình ông Lê Xuân H nhận chuyển nhượng lại căn nhà cấp 4 từ năm 2011 có tổng diện tích 60m² thuộc thửa đất 196, tờ bản đồ số 15, có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64, có địa chỉ tại ngõ D đường K kéo dài, tổ B, phường P, quận N (địa chỉ cũ: khu G, thôn P, xã M, huyện T, Hà Nội) từ ông Nguyễn Thành X (tức C). Gia đình sử dụng ổn định, không phát sinh tranh chấp giữa các hộ liền kề từ năm 2011 đến khi bị cưỡng chế vào ngày 30/12/2019. Thời điểm năm 2011, việc thực hiện giao dịch dân sự chuyển nhượng mua bán viết tay, có ra UBND xã M để xin được hướng dẫn xác nhận, nhưng cán bộ xã M khi đó chỉ nói miệng là khu đất đó thuộc đất xen kẹt, quy hoạch vào quỹ đất giãn dân của xã để ưu tiên tạo điều kiện cho các hộ gia đình chính sách, các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn trong xã, việc các hộ thực hiện mua bán dân sự là quyền của công dân, UBND xã không can thiệp; việc đăng ký khai báo tạm trú gia đình ông chấp hành nghiêm túc, đúng quy định pháp luật; việc tham gia bầu cử, quyên góp, ủng hộ các phong trào của địa phương gia đình ông tham gia đầy đủ, việc sử dụng mảnh đất của gia đình ông ổn định, không tranh chấp giữa các hộ liền kề, với mục đích để ở tuy không thường xuyên, do tính chất công việc ông phải thường xuyên đi công tác. Năm 2015, UBND phường P (được thành lập 01/4/2014), chỉ đạo cho các tổ trưởng dân phố thực hiện thu giấy tờ hộ khẩu cho các hộ dân, trong đó có gia đình ông thực hiện kê khai các diện tích đất tại khu dân cư sinh sống (xứ Đ - Đ và khu bãi đê đường K2), theo thực tế hiện trạng các hộ gia đình đang thực tế sử dụng trên đất để kê

khai lần đầu vào sổ mục kê, hồ sơ địa chính của phường để quản lý và phổ biến cho các hộ dân, phường sẽ tiến hành thu thuế đất của các hộ đang thực tế ăn ở sử dụng trên đất tránh sự thất thu của phường, tuy nhiên chỉ thấy cán bộ nói miệng còn trên thực tế, chính quyền chưa triển khai thu thuế, cũng không có ý kiến gì về việc cho rằng các hộ dân tại khu vực bờ đê đường K, khu Đ - Đ ăn ở vi phạm hay bất hợp pháp, các hộ dân xây dựng nhà cửa từ trước thời điểm thành lập phường P, chính quyền cũng không có ý kiến gì, cũng không có biên bản xử phạt hay xử lý ngăn chặn. Việc người dân vẫn ăn ở ổn định trên đất là thực tế, còn việc chưa tổ chức thu thuế sử dụng đất là lỗi từ phía chính quyền, không phải lỗi của người dân, không phải người dân không chấp hành. Người dân ăn ở trên diện tích đất phù hợp với quy hoạch, theo luật đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), chính quyền không tổ chức làm để triển khai đến công dân, lỗi thuộc chính quyền. Căn cứ theo Quyết định số 6631/QĐ-UBND ngày 02/12/2015, bản đồ quy hoạch đô thị phân khu H2-2, thì khu dân cư bờ đê đường K2 và khu dân cư X, thuộc tổ B, phường P hoàn toàn phù hợp quy hoạch phân khu đô thị, UBND thành phố H đã ban hành là đất ở đô thị.

Đầu năm 2019, khi có Dự án đường đua F1, khu dân cư X và khu bờ đê đường K2, giáp trạm bơm Đồng Bông I - Tổ B P, là những hộ dân bị ảnh hưởng xung quanh dự án này. Tuy nhiên, khi UBND thành phố H phê duyệt Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 26/02/2019, thì khu dân cư X2, trong đó có thửa đất của gia đình ông đang sử dụng, không nằm trong chi giới đồ của Dự án đường đua F1, trên thực tế ngày 01/3/2019, khi bàn giao mốc giới trên thực địa của Dự án đường đua F1, thì mốc giới nằm ngoài khu dân cư X2 và khu bờ đê đường K2, giáp trạm bơm Đ1, có hơn 100 hộ dân đang sinh sống. Đến ngày 06/03/2019, UBND thành phố H có Quyết định chủ trương số 1069/QĐ-UBND ngày 06/03/2019, về dự án: “Xây dựng phân khu I - Công viên cây xanh kết hợp với một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua công thức 1”, thửa đất gia đình ông đang sử dụng cùng một số hộ dân, nằm trong đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án lấy quỹ đất bổ sung này.

Ngày 07/5/2019, UBND phường P, Trung tâm phát triển quỹ đất quận N, tổ chức họp cả trăm hộ dân trong đó có gia đình ông, để công khai các văn bản pháp lý để triển khai thực hiện dự án: “Xây dựng phân khu I - Công viên cây xanh kết hợp với một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua công thức 1”. Tại cuộc họp, bà Chủ tịch phường Nguyễn Thị H5 nói rằng, các hộ dân đang sinh sống tại khu dân cư xứ Đ, Đ, khu bờ đê đường K2 là lấn chiếm đất công, xây dựng nhà trái phép, ăn ở không hợp pháp nên không được bồi thường. Cũng tại buổi họp, ban tổ chức đã phát cho các hộ dân mỗi nhà 01 bộ hồ sơ photo, không có công chứng dấu đỏ đựng trong 01 túi clear bag. Trong tất cả các văn bản photo cung cấp cho các hộ gia đình, đều là con dấu UBND thành phố H và UBND quận N, riêng Quyết định chủ trương số 1069/QĐ- UBND ngày 06/3/2019 của UBND thành phố H, có một số bản cung cấp là bản đóng dấu treo của Công ty TNHH V1, tại phía trên đầu Quyết định của UBND thành phố H, còn lại hầu hết các hộ dân đều nhận bản Scan cắt ghép. Ngày 25/6/2019, đại diện các hộ dân là bà Tạ Thị H1 ra UBND phường P, đề nghị phường cung cấp bộ hồ sơ đảm bảo có tính

pháp lý có sao ý bản chính có dấu đỏ, thì được cán bộ địa chính phường cung cấp 01 bộ hồ sơ, ngoài các danh mục cung cấp tại buổi họp 07/5/2019 như sau: Bản định vị mốc giới thực địa của Sở T6; Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đường đua công thức 1 - G Hà Nội tỷ lệ 1/500.

Bộ hồ sơ nhận ngày 25/6/2019 có dấu đỏ sao y công chứng tại UBND quận L.

Đối chiếu, so sánh bộ hồ sơ nhận ngày 07/5/2019, ông phát hiện Quyết định chủ trương số 1069/QĐ-UBND của UBND thành phố H, do Phó Chủ tịch Nguyễn Thế H6 ký ngày 06/3/2019, có sự sai khác về hình thức nội dung. Cùng từ sau buổi họp dân ngày 07/5/2019, gia đình ông bà cùng các hộ dân đã có rất nhiều đơn thư kiến nghị đến chính quyền sở tại xem xét, nhìn nhận đến cuộc sống của người dân để có tiếng nói bảo vệ người dân, đảm bảo quyền lợi khi bị mất đất, mất nhà vào dự án khi Nhà nước thu hồi đất đúng trình tự pháp luật, còn chủ đầu tư muốn lấy quỹ đất để kinh doanh giải đua, đầu tư phục vụ mục đích doanh nghiệp, thì chủ đầu tư nên thỏa thuận với người dân bị thu hồi (đơn tập thể do bà Tạ Thị H1 là người đại diện viết đơn). Gia đình ông cùng các hộ dân đồng thời kiến nghị phản ánh về việc tồn tại 02 Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 06/3/2019, do Phó Chủ tịch UBND thành phố H ký có hình thức nội dung khác nhau, văn bản photo cắt ghép có dấu hiệu giả mạo giấy tờ. Rồi từ sau buổi họp ngày 07/5/2019, căn cứ vào Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND thành phố H bị cắt ghép photo đó, để UBND quận N ban hành các văn bản hành chính tổ chức cưỡng chế, thu hồi đất của các hộ dân trong đó có gia đình ông, bà đang sinh sống ổn định, không tranh chấp giữa các hộ liền kề, mà hộ các dân không được bồi thường, dẫn đến hậu quả là dân bị ra đường vô cơ và đất đai, tài sản, nhà cửa các hộ dân đã bị chủ đầu tư chiếm dụng làm dự án: "Xây dựng phân khu I - Công viên cây xanh kết hợp với một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua xe công thức 1". Tuy nhiên, bà H5 - Chủ tịch phường P chỉ nói miệng là vượt thẩm quyền của phường, hướng dẫn công dân kiến nghị lên cấp trên. Các thời gian tiếp theo là tô công tác xuống để đo đạc, kiểm đếm, tuy nhiên đã không nhận được sự đồng thuận của người dân, vì các văn bản pháp lý không rõ ràng, có sự nhập nhèm, đánh lộn con đen, cắt ghép thông tin. Các hộ dân tiếp tục đấu tranh theo con đường đơn thư, đăng ký các buổi đối thoại trực tiếp với Chủ tịch quận N, Chủ tịch phường P, để yêu cầu phường P làm rõ, chứng minh khu đất mà các hộ dân đang sinh sống, mà bà Chủ tịch phường P cho rằng đó là đất công; yêu cầu phường P và quận N cung cấp hồ sơ, chứng minh về nhân chứng, vật chứng và luận chứng có tài sản gì trên đất công do phường quản lý? thì bà Chủ tịch phường P và ông Chủ tịch quận N bó tay chằm gỏi không chứng minh được, lẩn trốn người dân ở các buổi dân đăng ký đối thoại trực tiếp với Chủ tịch quận và Chủ tịch phường. Ngày 15/8/2019, bộ máy chính quyền quận N và bộ máy chính quyền phường P đã tổ chức lực lượng, máy móc để thực hiện việc kiểm đếm bắt buộc gây bức xúc, phần nộ trong nhân dân. Những ngày tiếp sau đó rồi chính quyền cho người nay xuống dán giấy, mai xuống dán giấy làm đảo lộn cuộc sống của người dân không thể làm ăn được gì, suốt ngày chỉ còn biết đơn thư kêu cứu các cơ quan Nhà nước cấp trên, mà không nhận được phản hồi kịp thời. Đến ngày

25/12/2019, quận N và phường P tổ chức huy động lực lượng 400-500 người bao vây khu dân cư X2, tổ chức cưỡng chế phá hủy toàn bộ tài sản, nhà cửa trên đất của 07 hộ dân trước đến ngày 30/12/2019, quận N và phường P tiếp tục tổ chức cưỡng chế đối với mấy chục hộ dân còn lại khu bờ đê đường K2, trong đó có gia đình ông và cưỡng chế nốt một số hộ còn lại tại khu X2 để bàn giao đất cho chủ đầu tư. Việc gia đình ông không được nhận bàn giao quyết định cưỡng chế, thông báo nào liên quan đến việc tổ chức cưỡng chế di dời tài sản, nhà cửa của gia đình ông hoàn toàn là sự thực. Việc tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của quận N và phường P, có tính giết gân như xã hội đen không còn tính người, dồn dân vào chỗ chết không còn lối thoát, bắt bớ người dân vô cớ cho vào xe thùng đưa lên phường nhốt, tổ chức cưỡng chế phá hủy tài sản, nhà cửa của dân, đuổi dân ra đường, thật sự đau lòng, bùng nhùng, nhức nhối trong dư luận không còn ngòi bút nào tả nổi. Vợ chồng ông tích góp cả đời mới mua được mấy thước đất và căn nhà cấp 4 để sinh sống, vậy mà chính quyền phường P và quận N đã tổ chức cưỡng chế phá hủy toàn bộ nhà cửa, tài sản của gia đình ông cùng các hộ dân, khiến cho gia đình ông tinh thần bị hoảng loạn, suy sụp, mất hết niềm tin vào bộ máy chính quyền các cấp thực hiện thu hồi đất như xã hội đen, không còn tính người. Gia đình ông đã làm đơn khiếu nại hành vi hành chính của quận N, về việc thu hồi đất không đúng trình tự, trái quy định của pháp luật; thu hồi đất không có quyết định thu hồi, không có văn bản bồi thường chi tiết, phá hủy tài sản nhà cửa của dân khi chưa ổn định người dân đến nơi ở mới, đồng thời tố cáo hành vi hành chính của quận N và phường P đã lợi dụng chức vụ quyền hạn, đã tước đi toàn bộ quyền sống, quyền làm người của gia đình ông và một số hộ dân (Đơn ghi ngày 02/01/2020). Các văn bản của các cơ quan Nhà nước cấp trên đều dồn về quận N, để yêu cầu giải quyết việc khiếu nại của gia đình ông. Quận N lại ban hành văn bản yêu cầu người dân tách đơn, nội dung khiếu nại riêng và tố cáo riêng để kéo dài thời gian vụ việc. Gia đình ông tiếp tục làm đơn khiếu nại bổ sung theo hướng dẫn tách đơn của UBND quận N (Đơn ghi ngày 27/3/2020). Qua quá trình đơn thư, làm rõ nội dung đơn, chính quyền quận N cố tình kéo dài vụ việc, không tổ chức giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật, không dám nhìn thẳng vào sự thật, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, cố ý chây ỳ không giải quyết khiếu nại, nên đến tháng 5/2021, buộc ông phải làm đơn yêu cầu quận N cung cấp quyết định cưỡng chế, để gia đình ông bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, trong tháng 5/2021, ông đã được chính quyền quận N bàn giao Quyết định cưỡng chế số 5226/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND quận N, do ông Nguyễn Huy C2 - nguyên phó Chủ tịch UBND quận N ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung, ông H6 đề nghị Tòa án: Hủy Quyết định số 4609/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về thu hồi đất của UBND quận N; Hủy Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết của UBND quận N; Hủy Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất của UBND quận N; Hủy Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND quận N về giải quyết khiếu nại lần đầu; Yêu cầu UBND quận N khôi phục lại tình trạng ban đầu về tài sản, nhà cửa trên đất cho gia đình ông; Xử lý hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố H về việc không trả lời, giải quyết đơn thư khiếu nại, kiến nghị thuộc

thẩm quyền giải quyết.

[2]. Đại diện người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND quận N trình bày:

- Nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đối với diện tích đất 77,4m² đất tại một phần các thửa đất số 206, 211, tờ bản đồ 15 (bản đồ lập năm 1994), tổ dân phố số B, phường P, quận N: Trong quá trình giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Xây dựng phân khu 1 - Công viên cây xanh kết hợp với một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua xe công thức 1, sau khi điều tra kiểm đếm cho thấy phần diện tích 77,4m² đất do hộ ông Lê Xuân H sử dụng có nguồn gốc và thời điểm sử dụng như sau:

Bản đồ giải thửa phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng phân khu 1 - Công viên cây xanh kết hợp với một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua xe công thức 1 do Công ty cổ phần T7 địa chính lập ngày 01/7/2019, tỷ lệ 1/200 có thể hiện: hiện trạng ông Lê Xuân H sử dụng 77,4m², thửa đất số 66, tờ bản đồ số 1, nằm trong ranh giới dự án.

Kết quả chồng ghép Bản đồ giải thửa phục vụ công tác giải phóng mặt bằng lên bản đồ lập năm 1994, tỷ lệ 1/1000, xã M, huyện T (nay là phường P, quận N) thì diện tích 77,4m² đất hộ ông Lê Xuân H sử dụng, trong đó: 23,1m² thuộc một phần thửa đất số 206 (sổ mục kê kèm theo bản đồ thể hiện diện tích 271m² đất canh tác, không ghi tên chủ sử dụng); 54,3m² thuộc một phần thửa đất số 211 (sổ mục kê kèm theo bản đồ thể hiện diện tích 236m², đất canh tác, không ghi tên chủ sử dụng); có nguồn gốc thuộc quỹ đất nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP cho hộ gia đình, cá nhân.

Theo Biên bản số 62.1/BB-TCT ngày 16/8/2019 của Tổ công tác điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm đất đai, các thửa đất số 211, 206 tờ bản đồ số 15 (lập năm 1994) được điều tra, kiểm đếm cho hộ ông Nguyễn Thành X (C); theo Giấy xác nhận số 1327/XN-UBND ngày 06/9/2019 của UBND phường P thì thửa đất 211, 206 tờ bản đồ số 15 (lập năm 1994) là đất nông nghiệp nằm trong quỹ đất giao theo Nghị định số 64/CP chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong bảng kê năm 1999, 2005 thống kê thiếu; có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao từ năm 1992 theo khoán 10 và theo Nghị quyết của HTX P, hộ gia đình ông Nguyễn Thành X1 (C) đang sử dụng từ đó đến nay (đến thời điểm xác nhận), không có tranh chấp.

Căn cứ, trình tự, thủ tục UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất số 4609/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, Quyết định án bồi thường hỗ trợ chi tiết số 4631/QĐ-UBND ngày 25/10/2019.

Dự án Xây dựng phân khu 1 - C4 kết hợp một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua xe công thức 1 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tại Văn bản số 8980/VPCP-QHQT ngày 19/9/2018; HĐND thành phố H thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2019; UBND thành phố H quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 06/3/2019; Sở T6 xác định bàn giao mốc tại thực địa ngày 01/3/2019; nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, được UBND thành phố H phê duyệt tại

Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 12/3/2019. UBND quận N thông báo thu hồi đất tại Thông báo số 369/TB-UBND ngày 24/4/2019 và ban hành Kế hoạch thực hiện dự án từ quý II/2019 đến quý IV/2019 tại Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 24/4/2019. Do vậy, dự án đủ điều kiện thu hồi đất theo Điều 63, Luật Đất đai năm 2013.

Thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND quận N, về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất. UBND phường P, Tổ công tác phối hợp với đơn vị thực hiện giải phóng mặt bằng đã tổ chức làm việc với các hộ dân để triển khai thực hiện, kết quả như sau:

Tổ công tác giải phóng mặt bằng cùng với UBND phường P đã mời ông Lê Xuân H để thực hiện kê khai, điều tra kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất vào các ngày 21/5, 28/5 và ngày 22/6/2019 nhưng hộ gia đình không phối hợp; ngày 25/6/2019 UBND phường P có Báo cáo số 913/BC-UBND về quá trình vận động, thuyết phục đối với các hộ (trong đó có ông Lê Xuân H) chưa phối hợp thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất, tài sản trên đất, nên đề nghị UBND quận ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 15/7/2019, UBND quận có Quyết định số 2534/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp kiểm đếm bắt buộc đối với ông Lê Xuân H đang sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ giải thửa số 01 phục vụ công tác giải phóng mặt bằng do Công ty cổ phần T7 địa chính lập ngày 01/7/2019.

Ngày 30/7/2019, UBND phường P có Báo cáo số 1085/BC-UBND về quá trình vận động, thuyết phục và tổ chức thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với các hộ gia đình, cá nhân chưa phối hợp. Kết quả còn 66 hộ chưa đồng ý phối hợp điều tra, kiểm đếm (trong đó có ông H) nên đề nghị UBND quận ban hành quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc theo quy định.

Ngày 07/8/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 2954/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đối với hộ gia đình ông Lê Xuân H7, đang sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 1 (bản đồ đo vẽ hiện trạng phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án).

Thực hiện Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc để thực hiện dự án: Ngày 12/8/2019, UBND phường P, MTTQ phường P và các ban ngành đoàn thể, Tổ công tác phối hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất quận tổ chức hội nghị, lập biên bản vận động thuyết phục các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất và có tài sản trên đất phối hợp cùng UBND phường, Tổ công tác chấp hành thực hiện Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc tại dự án theo quy định (tại cuộc họp có 05 hộ vào tham dự, đa số hộ dân còn lại không vào tham dự, vắng mặt không lý do); ngày 16/8/2019 tổ chức áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc tại dự án theo đúng quy định; đồng thời lập Biên bản số 159/BB-TCT điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, trong đó có nội dung: Người sử dụng đất là ông Nguyễn Thành X (C); người sở hữu tài sản trên đất là ông Lê Xuân H; hiện trạng sử dụng 77,4m²; tài sản trên đất gồm có: Tường rào

xây gạch 110 bề trụ, trên có rào khung sắt; 01 cây nhãn; trên sơ đồ thửa đất thể hiện 77,4m²; Biên bản được Tô công tác và UBND phường ký xác nhận nhưng không có xác nhận của ông Lê Xuân H do vắng mặt.

Ngày 06/9/2019, UBND phường P có Giấy xác nhận số 1327/XN- UBND xác nhận về việc sử dụng đất, và các tài sản gắn liền với đất có nội dung, như sau: Người sử dụng đất là hộ gia đình ông Nguyễn Thành X (C); người sở hữu tài sản trên đất: Hộ gia đình ông Nguyễn Thành X, ông Ngô Minh Q, ông Phạm Chí D, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Đức T1, ông Bùi Xuân T2, ông Phạm Đăng T3, ông Đoàn Văn H8, ông Lê Xuân H, ông Doãn Trung Đ, ông Chu Văn T4, bà Nguyễn Thị O (N2), tổng diện tích đang sử dụng là 2.405m² gồm 13 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15 (lập năm 1994) có nguồn gốc là đất nông nghiệp trong quỹ đất giao theo Nghị định số 64/CP cho hộ ông Nguyễn Thành X, sử dụng từ năm 1992, không tranh chấp. Tài sản trên phần diện tích đất ông Lê Xuân H sử dụng gồm: Tường rào xây gạch 110 bề trụ, trên có rào khung sắt, 01 cây nhãn, với tổng diện tích sử dụng là 77,4m², trong đó: 23,1m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 15; 54,3m² thuộc một phần thửa đất số 211, tờ bản đồ số 15.

Ngày 30/10/2019, UBND phường P có Báo cáo số 1608/BC-UBND báo cáo quá trình niêm yết công khai, lấy ý kiến trực tiếp về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với 28 hộ gia đình, cá nhân, trong đó báo cáo đã thực hiện niêm yết công khai theo đúng quy định tại Điều 35 Quyết định số 10/2017/QĐ- UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố đề nghị Hội đồng thẩm định trình UBND quận thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đối với 28 hộ theo quy định.

Ngày 31/10/2019, UBND quận N ban hành các Quyết định số 4609/QĐ-UBND thu hồi 2.405m² đất do hộ gia đình ông Nguyễn Thành X sử dụng (trong đó có tài sản của ông H trên đất); Quyết định số 4635/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ ông Lê Xuân H được bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất với số tiền là 1.746.696 đồng.

Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất: Kết quả kiểm tra hồ sơ cho thấy, phần diện tích 77,4m² đất (gồm: 23,1m² thuộc một phần thửa đất số 206; 54,3m² thuộc một phần thửa đất số 211, tờ bản đồ số 15) ông Lê Xuân H sử dụng nằm trong ranh giới dự án Xây dựng phân khu I - Công viên cây xanh kết hợp một số công trình phụ trợ phục vụ giải đưa xe công thức 1, có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao từ năm 1992 theo khoán 10, hộ gia đình ông Nguyễn Thành X (C) sử dụng từ đó đến thời điểm thu hồi đất, không có tranh chấp. Bà H3 (vợ ông H) trình bày diện tích gia đình sử dụng có công trình trên đất là do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành X từ năm 2009, nhưng không có giấy tờ để chứng minh; quá trình sử dụng có kê khai đăng ký và nộp hồ sơ tại UBND phường P cho thấy việc hộ gia đình sử dụng có công trình trên đất là đúng.

Như vậy, phần diện tích ông Lê Xuân H sử dụng không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất được UBND phường P căn cứ bản đồ lập năm 1994 và ý kiến dân cư xác nhận

ông Lê Xuân H sử dụng có công trình trên đất nêu trên thuộc quỹ đất nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP, do hộ ông Nguyễn Thành X sử dụng từ năm 1992 là đúng. Vì vậy, UBND quận đã ban hành Quyết định số 4609/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Thành X đang sử dụng các thửa đất số 211, 206 tờ bản đồ số 15; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Thành X tại Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất cho hộ ông Lê Xuân H tại Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 là đúng quy định.

Căn cứ, trình tự, thủ tục Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 về cưỡng chế thu hồi đất.

Sau khi UBND quận ban hành Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với công trình xây dựng trên đất cho hộ ông Lê Xuân H. Trung tâm phát triển quỹ đất đã phối hợp với UBND phường P niêm yết công khai tại Trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi và được lập biên bản theo quy định; đồng thời tổ chức giao các quyết định cho các hộ gia đình, cá nhân có nhà, đất bị thu hồi; việc chi trả tiền bồi thường đã được tổ chức 3 lần nhưng ông Lê Xuân H không đến; đã tổ chức vận động, thuyết phục nhưng ông Lê Xuân H không đến nhận tiền, bồi thường bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Ngày 21/11/2019, UBND phường P có Báo cáo số 1705/BC-UBND về quá trình chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và vận động, thuyết phục đối với các hộ gia đình, cá nhân không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng và đề nghị Hội đồng bồi thường, UBND quận xem xét, áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai để đảm bảo thực hiện dự án theo đúng tiến độ được giao (trong đó có hộ ông Lê Xuân H).

Ngày 04/12/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 5226/QĐ-UBND áp dụng cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân có tên tại danh sách kèm theo đang sử dụng 2.405,0m², trong đó có ông Lê Xuân H. Lý do: không chấp hành các Quyết định ngày 31/10/2019 của UBND quận N; Quyết định số 4609/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 4635/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết để thực hiện dự án.

Căn cứ trình tự, thủ tục Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 về giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Xuân H.

UBND quận N nhận được đơn của một số công dân, trong đó có ông Lê Xuân H với nội dung khiếu nại hành vi hành chính của UBND quận N trong việc thu hồi đất tại dự án: Xây dựng phân khu 1 - Công viên cây xanh kết hợp một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua xe công thức 1, cụ thể: Thu hồi đất không có quyết định thu hồi đất; Không cung cấp quyết định phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất là không đúng quy định; Diện tích đất sử dụng không nằm trong chỉ giới GPMB nhưng quận thu hồi toàn bộ là không đúng.

Ngày 08/6/2020, UBND quận N có Quyết định số 1952/QĐ- UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của các ông, bà Ngô Minh Q, Lê Quốc S, Lê Xuân H, Nguyễn Thị T5 (ông Nguyễn Văn L1 là người được uỷ quyền). Ngày 31/7/2020, Phòng T8 có Báo cáo số 695/BC-TNMT về kết quả xác minh đơn của các ông bà Ngô Minh Q, Lê Quốc S, Lê Xuân H, Nguyễn Thị T5 (ông Nguyễn Văn L2 là người được uỷ quyền). Ngày 27/5/2021, UBND quận N tổ chức đối thoại với các ông, bà có tên trên để thông qua dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận N. Tại buổi đối thoại, ông H vắng mặt (không rõ lý do), ông Nguyễn Văn L2 (người được ông Lê Xuân H uỷ quyền) tham dự đối thoại. Kết quả ông Nguyễn Văn L2 không đồng ý với nội dung dự thảo Quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND quận N và không bổ sung tài liệu giấy tờ gì thêm, không có tình tiết mới.

Ngày 22/7/2021, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 2176/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân H.

Quan điểm của UBND quận N đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H.

Tài sản trên diện tích đất 77,4m² ông Lê Xuân H sử dụng, nằm trong ranh giới dự án (gồm: 23,1m² thuộc một phần thửa đất số 206; 54,3m² thuộc một phần thửa đất số 211, tờ bản đồ số 15) có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao từ năm 1992 theo khoán 10, hộ gia đình ông Nguyễn Thành X (C) sử dụng từ đó đến thời điểm thu hồi đất, không có tranh chấp. Bà Cao Ngân H3 (vợ ông H) trình bày diện tích gia đình sử dụng có công trình trên đất là do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành X1 từ năm 2009, nhưng không có giấy tờ để chứng minh. Căn cứ hồ sơ quản lý, trình tự thực hiện nêu trên, UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết thu hồi đất, Quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[3.1]. Đại diện của UBND phường P: Hiện trạng sử dụng đất của ông Lê Xuân H tại dự án Xây dựng phân khu 1 - Công viên cây xanh kết hợp một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua xe công thức 1 tại phường P quận N, gồm:

Tổng diện tích đất đang sử dụng: 77,4m². Diện tích đất bị thu hồi: 77,4m². Diện tích đất còn lại: 0m². Trong đó: 23,1m² thuộc một phần thửa đất số 206, tờ BĐ số 15 (đo vẽ năm 1994), diện tích 27 1m² là đất nông nghiệp nằm trong quỹ đất giao theo ND 64/CP. 54,3m² thuộc một phần thửa đất số 211, tờ BĐ số 15 (đo vẽ năm 1994), diện tích 236m² là đất nông nghiệp nằm trong quỹ đất giao theo ND 64/CP.

UBND phường P đã phối hợp cùng Tổ công tác thực hiện điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất và xác nhận nguồn gốc đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đối với hộ gia đình ông H, bà

H3 là đúng trình tự quy định của pháp luật. Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Đại diện của Công ty TNHH V1 không tham gia tố tụng cũng không gửi ý kiến và tài liệu cho tòa án mặc dù tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ.

[3.3]. Ông Nguyễn Thành X (C) đại diện cho hộ gia đình có ý kiến: Ông và gia đình ông không liên quan gì đến việc khởi kiện của ông Lê Xuân H. Ông không mua bán gì với các người trên. Ông và gia đình đã nhận được văn bản của Tòa án và xin được vắng mặt. Đề nghị Toà án không gửi giấy tờ và bản án về cho gia đình ông nữa.

[3.4]. Bà Cao Ngân H3 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H và xin giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 233/2024/HC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 43, số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:** Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/8/2024, ông Lê Xuân H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Người bảo vệ quyền lợi đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Lê Xuân H.

Người bị kiện vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường P vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung

cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Lê Xuân H và giữ nguyên Bản án hành chính số 233/2024/HC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; Người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập thành công, hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường P vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Ông Lê Xuân H khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định số 5226/QĐ-UBND 04/12/2019 của Chủ tịch UBND quận N, về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 4609/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc thu hồi đất; Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND quận N; Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Chủ tịch UBND quận N về giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu). Đây là các quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai theo Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền thụ lý giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét Quyết định số 4609/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND quận N:

[3.1]. Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Thông báo số 369/TB-UBND ngày 24/4/2019 về việc về việc thu hồi đất; Biên bản điều tra, kiểm đếm của tổ công tác; Giấy xác nhận số 1327/XN-UBND ngày 06/9/2019 của UBND phường P về việc nguồn gốc sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, nhân hộ khẩu; Căn cứ Nghị định số 43, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/ NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ- UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H, về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư thì UBND quận N ban hành Quyết định số 4609/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc thu hồi đất; Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ

trợ đối với hộ ông Lê Xuân H là có căn cứ, đúng trình tự, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

[3.2]. Dự án Xây dựng phân khu 1- Công viên cây xanh kết hợp một số công trình phụ trợ phục vụ Giải đua xe Công thức 1 (sau đây gọi tắt là Dự án), được Hội đồng nhân dân thành phố H thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2017 tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2019, nằm trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm quận N, được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 12/3/2019; UBND thành phố H quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 06/3/2019, giao cho UBND quận N thực hiện giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Do đó, dự án thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 63 Luật Đất đai năm 2013.

[3.3]. Theo Giấy xác nhận số 1327/XN-UBND ngày 06/9/2019 của UBND phường P, hộ gia đình ông Lê Xuân H bị cưỡng chế có nguồn gốc là đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP, được giao từ năm 1992 theo khoán 10, hộ gia đình ông Nguyễn Thành X (C), chưa được cấp GCNQSD đất. Theo bản đồ phục vụ công tác BTHT&TĐC dự án là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 1, diện tích 77,4m². Trên đất thể hiện tường rào xây gạch 110 bờ trụ, trên có ràng khung sắt góc lưới B40 và 01 cây nhãn. Theo quy hoạch chi tiết huyện T - Hà Nội, tỉ lệ 1/5000, UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 14/2000/QĐ-UBND ngày 14/02/2000, vị trí 29 hộ gia đình đang sử dụng trong danh sách được quy hoạch là “đất cây xanh, công viên, thể dục, thể thao”. Ông Lê Xuân H cho rằng đất hoang hóa do ông Nguyễn Thành X (Chiến L3) đã khai hoang, tôn tạo quật lấp đất từ mặt nước, để gia tăng sản xuất từ những năm 1986, xây dựng nhà cửa trên đất ở từ những năm 1989, do không có nhu cầu sử dụng nên gia đình ông X có chuyển nhượng lại cho gia đình ông. Gia đình ông ở từ đó cho đến khi bị cưỡng chế, không có tranh chấp các hộ liền kề, đóng thuế đầy đủ. Tuy nhiên, ông H cũng như ông X (L3) không cung cấp được các tài liệu, giấy tờ chứng minh về nguồn gốc đất, đóng thuế. Ông X cũng có ý kiến không mua bán với ông H. Không có cơ sở để xác định đất do ông H sử dụng bị thu hồi do ông X khai hoang phục hóa, mà là đất công do UBND xã quản lý.

[3.4]. Hộ gia đình ông Lê Xuân H sử dụng thửa đất trên không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 và khoản 2, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thời điểm sử dụng đất vào mục đích để ở sau khi có quy hoạch, đã được UBND thành phố H phê duyệt. Căn cứ khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, việc sử dụng đất có nguồn gốc như trên, không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo Điều 75 Luật

đất đai. Tại Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND quận N, không quyết định bồi thường về đất cho hộ H là đúng quy định. Theo Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, hộ ông Lê Xuân H chỉ được hỗ trợ về tài sản trên đất gồm có (cây nhãn $20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} \leq 25\text{cm}$, cao $\geq 3\text{m}$, tường xây gạch chỉ 110 cao 0,8m, móng gạch, có bể trụ $14,4\text{m}^2$ tỉ lệ hỗ trợ 60 %; khung sắt góc lưới B40 (nằm trên tường) $25,2\text{m}^2$, tỷ lệ hỗ trợ là 60% là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H; đơn giá xây dựng được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND thành phố H về việc ban hành đơn giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hộ gia đình ông H đang sử dụng xây dựng công trình nhà tạm trên đất khoảng tháng 2/2009, không có hồ sơ xử lý vi phạm về đất đai nên được áp dụng hỗ trợ 10% với số tiền 746.696 đồng là đúng quy định.

[4]. Xét Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất: Quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng thu hồi đất, UBND phường P gửi quyết định phê duyệt phương án, bồi thường và hỗ trợ đến các hộ gia đình; niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường, địa điểm sinh hoạt dân cư nơi có đất thu hồi; việc chi trả tiền bồi thường được tổ chức nhiều lần, nhưng ông H vắng mặt. Ngày 21/11/2019, UBND phường P có Báo cáo số 1705/BC-UBND, về việc cho trả tiền và vận động thuyết phục các hộ dân, các hộ không đến nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Do đó, ngày 04/5/2019, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 5226/QĐ-UBND, về cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lê Xuân H là đúng thẩm quyền, đúng quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

[5]. Xét Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Chủ tịch UBND quận N, về giải quyết khiếu nại lần đầu: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Lê Xuân H, Chủ tịch UBND quận N đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại, ông H trong quá trình giải quyết khiếu nại không cung cấp hoặc bổ sung thêm các tài liệu chứng cứ, không có tình tiết mới. Ngày 22/7/2021 Chủ tịch UBND quận nam T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2176/QĐ-UBND, với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông H là có căn cứ.

[6]. Xét kháng cáo của ông Lê Xuân H, xét thấy: Các quyết định hành chính được ban hành đúng pháp luật như nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp thêm được chứng cứ mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án.

Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình với những nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Kháng cáo của ông Lê Xuân H là không có căn cứ. Do vậy, cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, người khởi kiện ông Lê Xuân H phải nộp án phí phúc thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Xuân H.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 233/2024/HC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
3. Về án phí: Ông Lê Xuân H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do ông Lê Xuân H đã nộp tại Biên lai thu số 0023755 ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận ông Lê Xuân H đã hoàn thành nghĩa vụ án phí phúc thẩm.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực